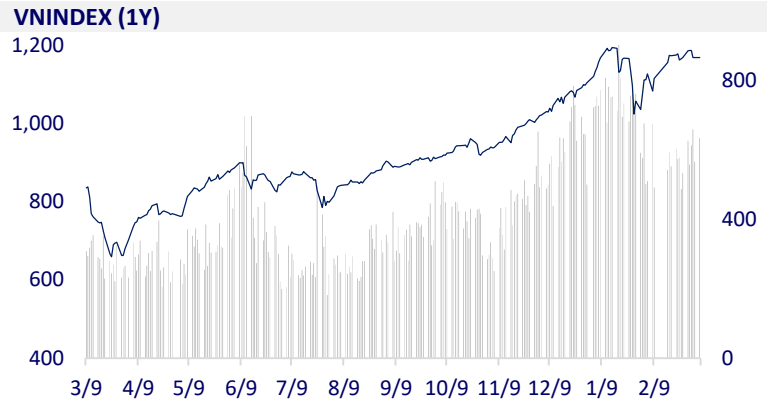
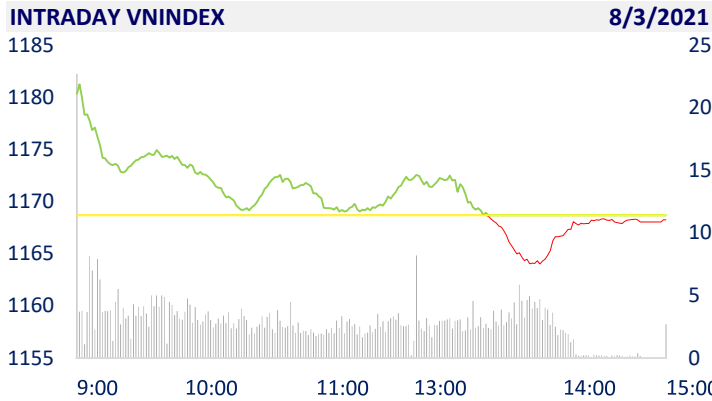
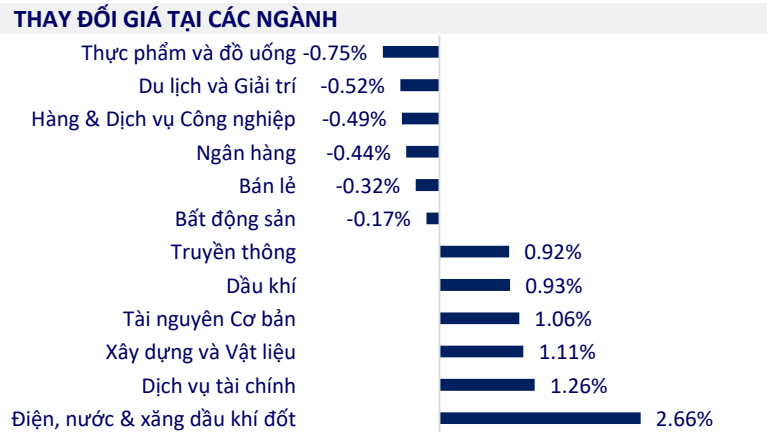


TTCK VIỆT NAM		1D	YTD
VN-INDEX	1,168.27	-0.04%	6.26%
VN30	1,170.00	-0.35%	10.55%
HNX	263.42	1.39%	33.65%
UPCOM	79.42	1.09%	7.57%
GT mua ròng NĐTNN (tỷ)	-1,258.72		
Tổng GTGD (tỷ)	18,762.03	0.46%	9.38%

- Giao dịch khối ngoại khá tiêu cực khi họ bán ròng trên cả 3 sàn với tổng giá trị gần 1.259 tỷ đồng, lực bán tập trung vào các cổ phiếu như POW (-212,8 tỷ đồng), VNM (-203,9 tỷ đồng), HPG (-171,5 tỷ đồng), VIC (-100 tỷ đồng)...



ETF & PHÁI SINH		1D	YTD
E1VFN30	19,660	-0.41%	4.57%
FUEMAV30	13,740	-0.29%	9.66%
FUESSV30	14,640	0.69%	9.83%
FUESSV50	17,200	-0.58%	8.86%
FUESSVFL	15,500	0.52%	13.55%
FUEVFN30	19,500	-0.51%	13.37%
FUEVN100	15,160	0.33%	8.67%
VN30F2109	1,168.00	-0.92%	
VN30F2106	1,168.00	-0.47%	
VN30F2104	1,168.50	-0.48%	
VN30F2103	1,165.00	-0.34%	



THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI		1D	YTD
Nikkei	28,743.25	-1.24%	4.73%
Shanghai	3,421.41	-2.30%	0.20%
Kospi	2,996.11	-1.00%	4.27%
Hang Seng	28,540.83	-2.64%	5.13%
STI (Singapore)	3,071.16	1.90%	7.04%
SET (Thái Lan)	1,543.76	-0.02%	6.51%
Dầu thô (\$/thùng)	66.16	-1.81%	36.98%
Vàng (\$/ounce)	1,689.40	-0.98%	-11.25%

- Các thị trường chứng khoán ở châu Á đồng loạt giảm điểm sau phiên giao dịch diễn biến trái chiều cuối tuần trước. Chỉ số Nikkei 225 giảm 1,24%, còn 28,743.25 điểm. Trong khi đó, chỉ số Hang Seng giảm 2.64%, còn 28.540.83 điểm và chỉ số Shanghai Composite giảm 2.3%, còn 3.538,37 điểm.

KINH TẾ VĨ MÔ		1D (bps)	YTD (bps)
Lãi suất liên NH	0.28%	-1	15
Lãi suất tiết kiệm 12T	5.80%	0	0
TPCP - 5 năm	1.36%	15	14
TPCP - 10 năm	2.16%	-17	13
USD/VND	23,150	0.07%	-0.12%
EUR/VND	28,073	-0.38%	-3.54%
CNY/VND	3,600	-0.41%	0.76%

- Với 61.7 điểm, Việt Nam đã lần đầu tiên lọt nhóm nền kinh tế có "Chỉ số tự do kinh tế ở mức trung bình", trở thành nền kinh tế tự do đứng thứ 90/178 nền kinh tế trong bảng xếp hạng năm 2021. Việt Nam đứng thứ 17 trong số 40 nền kinh tế ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương và điểm tổng thể của Việt Nam cao hơn mức trung bình của khu vực và thế giới.

**LỊCH SỰ KIỆN**

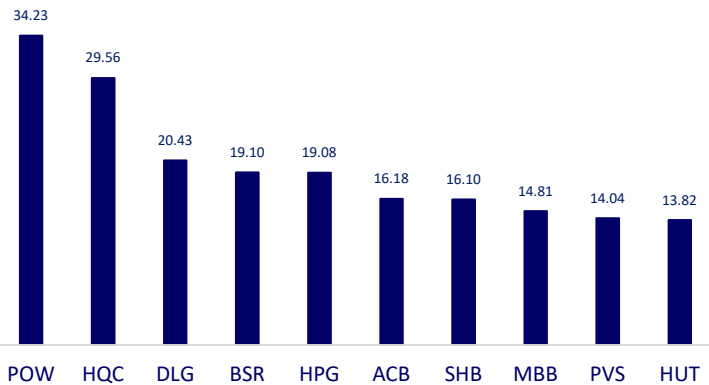
Mã	Ngày GDKHQ	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Loại	Tỉ lệ	Giá trị
TMP	3/9/2021	3/10/2021	3/18/2021	Tiền mặt		1,500
DT4	3/11/2021	3/12/2021	6/30/2021	Tiền mặt		875
WSB	3/12/2021	3/15/2021	3/31/2021	Tiền mặt		1,000
DBD	3/15/2021	3/16/2021	4/8/2021	Tiền mặt		1,500
PPP	3/16/2021	3/17/2021	4/19/2021	Tiền mặt		1,000
PDN	3/17/2021	3/18/2021	3/30/2021	Tiền mặt		1,500
ABI	3/19/2021	3/22/2021	4/8/2021	Tiền mặt		400
SFI	3/24/2021	3/25/2021	4/7/2021	Tiền mặt		1,000

## TIN TỨC CHỌN LỌC

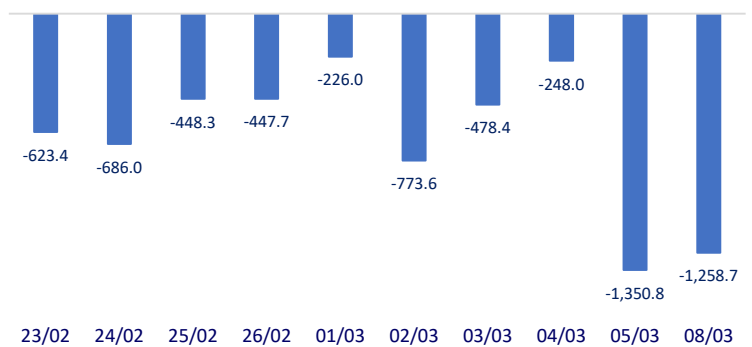
- Tiếp cận tín dụng vẫn là rào cản với nhiều doanh nghiệp
- Đầu tư hơn 4.500 tỷ đồng xây dựng khu công nghiệp đa ngành Triệu Phú
- Việt Nam lần đầu lọt nhóm nền kinh tế có 'Chỉ số tự do kinh tế trung bình'
- Cảng dầu lớn của Arab Saudi bị tấn công, giá dầu tăng vọt lên hơn 70 USD/thùng
- Bloomberg: EU có thể thiệt hại 100 tỷ euro do chậm chạp tiêm vắc xin COVID-19
- Ngụy cơ bùng nổ "bong bóng" tài sản trên toàn cầu

	Đóng cửa	1D	5D	KL mua	KL bán	Nội dung
VCB	95,200	-1.24%	-4.03%	2,495,800	2,520,400	- MBB: Lũy kế từ đầu năm, MB phát hành thành công gần 9.200 tỷ đồng chứng chỉ tiền gửi ghi danh cho khách hàng tổ chức. Lãi suất huy động qua kênh này thấp hơn nhiều so với tiền gửi tiết kiệm cùng kỳ hạn. Chứng chỉ có mệnh giá từ 5 tỷ đến 10 tỷ đồng với kỳ hạn 1 - 36 tháng. Lãi suất phát hành dao động từ 2,4% đến 4,35%/năm, thấp hơn nhiều so với biểu lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm cùng kỳ hạn mà MB đang áp dụng (từ 3,3% đến 6,4%/năm)
BID	42,450	0.12%	-3.74%	2,717,300	3,069,600	
CTG	37,900	-0.26%	-0.52%	13,542,100	15,816,700	
TCB	38,850	-0.89%	-3.36%	17,162,600	21,914,800	
VPB	41,350	-1.08%	1.35%	5,377,700	6,884,800	
MBB	27,600	0.91%	-2.65%	23,121,600	26,367,800	
HDB	25,950	0.39%	0.58%	6,816,700	5,974,800	
TPB	28,500	0.00%	1.79%	7,424,800	8,816,500	
STB	18,600	-0.53%	-2.62%	30,711,900	37,835,400	
NVL	81,400	1.88%	2.13%	4,837,600	5,696,300	
TCH	22,050	0.46%	-2.43%	6,642,800	7,454,600	- Giá gas hôm nay (8/3) tăng 0,25% lên 2,7 USD/mmBTU đối với hợp đồng khí gas tự nhiên giao tháng 3/2021 vào lúc 11h00 (giờ Việt Nam)
KDH	31,100	-1.11%	-4.31%	3,528,600	3,470,900	
PDR	62,300	-0.48%	-3.11%	3,938,800	4,305,500	
GAS	95,000	2.70%	3.37%	2,717,400	2,608,700	- Tính đến cuối năm 2020, VHM ghi nhận 5.549 tỷ đồng cổ phiếu quỹ, tương đương 60 triệu đơn vị, VRE có lượng cổ phiếu quỹ ghi sổ 1.954 tỷ đồng (56,5 triệu đơn vị)
POW	14,150	5.20%	8.43%	53,328,400	59,150,300	
PLX	58,400	0.69%	-1.02%	5,706,700	5,451,100	
VIC	106,000	-0.28%	-2.30%	2,184,900	2,227,600	- VNM: Nằm trong top các cổ phiếu bị khối ngoại bán ròng trong phiên ngày hôm nay với giá trị 204 tỷ đồng.
VHM	97,200	-1.22%	-5.63%	3,988,100	5,082,000	
VRE	34,450	-0.29%	0.58%	6,668,000	9,721,200	
VNM	102,200	-0.78%	-3.22%	5,018,300	5,443,300	- VIC: Hội đồng quản trị VJC vừa thông qua phương án bán toàn bộ 17.772.740 cổ phiếu quỹ, tương đương 3,28% vốn điều lệ, để tăng nguồn vốn lưu động. Giá cổ phiếu VJC hiện nay ở khoảng 136.000 đồng/cp, tăng 9% so với đầu năm 2021. Ước tính theo thị giá, Vietjet sẽ thu về trên 2.400 tỷ đồng từ việc bán cổ phiếu quỹ.
MSN	87,400	-2.02%	-4.27%	2,482,500	2,640,200	
SBT	22,300	-0.67%	-2.62%	4,954,500	7,621,300	
BVH	136,000	-0.58%	-0.15%	625,000	716,600	- VJC: Hội đồng quản trị VJC vừa thông qua phương án bán toàn bộ 17.772.740 cổ phiếu quỹ, tương đương 3,28% vốn điều lệ, để tăng nguồn vốn lưu động. Giá cổ phiếu VJC hiện nay ở khoảng 136.000 đồng/cp, tăng 9% so với đầu năm 2021. Ước tính theo thị giá, Vietjet sẽ thu về trên 2.400 tỷ đồng từ việc bán cổ phiếu quỹ.
VJC	136,000	-0.58%	-0.15%	625,000	716,600	
FPT	75,800	-0.13%	-2.70%	2,539,100	2,688,600	
MWG	130,800	-1.06%	-2.97%	1,195,400	1,357,600	
PNJ	83,600	-0.24%	-1.30%	545,500	782,200	
REE	56,000	1.08%	-1.58%	979,300	1,181,200	
SSI	33,550	0.30%	-4.14%	17,270,600	20,681,200	
HPG	46,300	0.65%	0.22%	34,196,400	35,281,900	

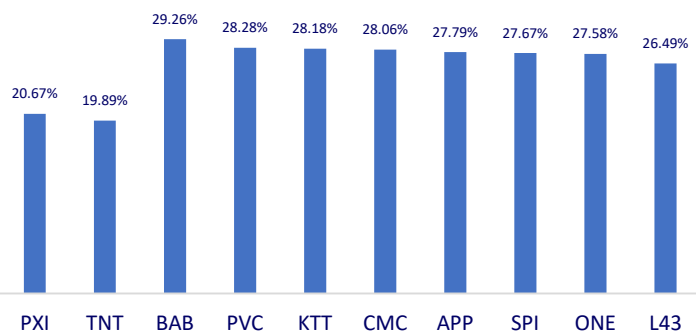
Top CP giao dịch nhiều nhất (khối lượng CP - triệu)



Dòng tiền NĐTNN 10 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top tăng 3 phiên liên tiếp



Top giảm 3 phiên liên tiếp

